

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 3 TC (Min)

0101.	909102 Bản đồ địa chính	3
-------	-------------------------	---

	909302 Bản đồ địa chính	4
--	-------------------------	---

Nhóm TC 2: 3 TC (Min)

0201.	909305 Quản lý thông tin đất	4
-------	------------------------------	---

	909311 Hệ thống thông tin nhà đất	3
--	-----------------------------------	---

Nhóm TC 3: 10 TC (Min)

0301.	909907 Khóa luận tốt nghiệp	10
-------	-----------------------------	----

	909918 Khối kiến thức tốt nghiệp	10
--	----------------------------------	----

In Ngày 03/10/14

TP.HCM, Ngày 03 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu



Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Tiêu chuẩn thi tốt nghiệp lớp TC07QLBN (TC07QLBN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

203
5.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	07224127	TRẦN LƯƠNG NAM HẢI	TC07QLBN	174.0	5.06	902609	Logic học	3		081	C
						902622	Pháp luật đại cương	3		081	C
						908101	Địa lý kinh tế	4		081	V
						909308	Tin học ứng dụng	4		101	2 2
						909401	Pháp luật đất đai	3		123	
						909510	Đánh giá tác động môi trường	3		082	V 3
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
2	07224031	VÕ DUY HOÀNG	TC07QLBN	169.0	5.26	902621	Xã hội học	3		081	V
						909132	PP nguyên cứu khoa học	2		102	V V
						909502	QH sử dụng đất	6		102	V V
						909603	Thị trường bất động sản	4		102	V V
						909704	Định giá đất đai	3		102	V
						909902	Rèn nghề II	2		101	V
						909903	Rèn nghề III	2		102	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
3	07224135	NGUYỄN HOÀI KHANH	TC07QLBN	85.0	3.08	900107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		102	V V
						902115	Toán cao cấp C2	3		072	3 4
						902208	Vật lý QLĐĐ	3		081	1 4
						902609	Logic học	3		081	C
						902622	Pháp luật đại cương	3		081	C

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						908118	Thống kê Kinh tế QL	2		081	V 3
						909130	Trắc địa đại cương	9		092	V V
						909132	PP nguyên cứu khoa học	2		102	V V
						909142	Ngoại ngữ chuyên ngành QL	2		101	V V
						909203	Trắc địa ảnh viễn thám	4		091	V
						909304	Hệ thống thông tin địa lý	4		091	V
						909307	Cơ sở dữ liệu	3		091	V V
						909308	Tin học ứng dụng	4		101	V V
						909401	Pháp luật đất đai	3		092	V
						909403	Thanh tra địa chính	2		101	
						909404	QL hành chánh về đất đai	3		101	V
						909406	Đăng ký thống kê	3		101	V
						909501	Quy hoạch tổng thể KTXH	3		101	V
						909502	QH sử dụng đất	6		102	V V
						909504	QH phát triển nông thôn	3		101	V V
						909505	Quy hoạch đô thị	3		102	V
						909510	Đánh giá tác động môi trường	3		082	4 V
						909603	Thị trường bất động sản	4		102	V V
						909604	Kinh tế đất	3		082	4 V
						909701	Khoa học đất cơ bản	4		092	V
						909702	Khoa học đất ứng dụng	3		091	V
						909703	Phân hạng đất	2		101	V V
						909704	Định giá đất đai	3		102	V
						909705	Đánh giá đất đai	3		092	V
						909901	Rèn nghề I	2		092	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						909902	Rèn nghề II	2		101	V
						909903	Rèn nghề III	2		102	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	2		
4	07224145	NGUYỄN DUY NGHI	TC07QLBN	185.0	5.73	900104	Lịch sử Đảng CSVN	4		112	V
						909307	Cơ sở dữ liệu	3		112	
						909901	Rèn nghề I	2		092	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
5	07224061	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	TC07QLBN	183.0	5.36	902621	Xã hội học	3		081	V
						909510	Đánh giá tác động môi trường	3		082	4 3
						909704	Định giá đất đai	3		102	V
						909903	Rèn nghề III	2		102	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
6	07224173	ĐỖ PHÚC THỊNH	TC07QLBN	171.0	5.25	902114	Toán cao cấp C1	5		071	V 4
						902609	Logic học	3		081	C
						902622	Pháp luật đại cương	3		081	C
						908101	Địa lý kinh tế	4		081	V
						908118	Thống kê Kinh tế QL	2		081	V 3
						909142	Ngoại ngữ chuyên ngành QL	2		101	3 V
						909308	Tin học ứng dụng	4		101	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
7	07224178	BÙI TẤN THƯƠNG	TC07QLBN	110.0	3.67	900107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		102	V V
						902603	Dân số học	2		081	V 2
						902609	Logic học	3		081	C
						902622	Pháp luật đại cương	3		081	C

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						908118	Thống kê Kinh tế QL	2		081	V 2
						909130	Trắc địa đại cương	9		092	V V
						909132	PP nguyên cứu khoa học	2		102	V V
						909142	Ngoại ngữ chuyên ngành QL	2		101	V V
						909203	Trắc địa ảnh viễn thám	4		091	V
						909307	Cơ sở dữ liệu	3		091	3 V
						909308	Tin học ứng dụng	4		101	4 V
						909403	Thanh tra địa chính	2		101	
						909404	QL hành chánh về đất đai	3		101	V
						909406	Đăng ký thống kê	3		101	V
						909501	Quy hoạch tổng thể KTXH	3		101	V
						909502	QH sử dụng đất	6		102	V V
						909504	QH phát triển nông thôn	3		101	V V
						909505	Quy hoạch đô thị	3		102	V
						909507	Quản lý nguồn nước	3		082	V
						909603	Thị trường bất động sản	4		102	V V
						909704	Định giá đất đai	3		102	V
						909705	Đánh giá đất đai	3		092	V V
						909902	Rèn nghề II	2		101	V
						909903	Rèn nghề III	2		102	V
8	07224077	NGUYỄN MINH TIẾN	TC07QLBN	190.0	5.78	909308	Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	2		
							Tin học ứng dụng	4		101	2 3
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
9	07224185	TRẦN HỮU VINH	TC07QLBN	192.0	5.83	909903	Rèn nghề III	2		102	4

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 3 TC (Min)

0101.	909102 Bản đồ địa chính	3
	909302 Bản đồ địa chính	4

Nhóm TC 2: 3 TC (Min)

0201.	909305 Quản lý thông tin đất	4
	909311 Hệ thống thông tin nhà đất	3

Nhóm TC 3: 10 TC (Min)

0301.	909907 Khóa luận tốt nghiệp	10
	909918 Khối kiến thức tốt nghiệp	10

In Ngày 03/10/14

TP.HCM, Ngày 03 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu



Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH) (TC08QL)
(Hệ vừa làm vừa học)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

131
5.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	08224001	PHẠM VĂN AN	TC08QL	6.0	0.42	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		092	V V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	V V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	V V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						213601	Anh văn 1	5		082	4 V
						213602	Anh văn 2	5		091	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
2	08224008	LÊ BẢO CHÂU	TC08QL	43.0	2.76	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	2 4
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	2 3
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	3 3
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V 3

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						213601	Anh văn 1	5		082	4 4
						213602	Anh văn 2	5		091	4 3
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	12	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
3	08224009	PHẠM THỊ THỦY CHÂU	TC08QL	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		092	V V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	V V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	V V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V
						213602	Anh văn 2	5		091	V V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
4	08224007	HỒ VĂN CƯỜNG	TC08QL	126.0	5.71	213601	Anh văn 1	5		082	3
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1		
5	08224073	ĐẶNG THÀNH DANH	TC08QL	45.0	2.55	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	2 4
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	4
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	4 V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	16		2	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10		3	
6	08224013	LÊ THANH DANH	TC08QL	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5	091	V V							
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	092	V V							
202114	Toán cao cấp C1	3	082	V V							
202115	Toán cao cấp C2	3	091	V V							
202121	Xác suất thống kê	3	092	V V							
202622	Pháp luật đại cương	2	092	V V							
208109	Kinh tế vi mô 1	3	092	V V							
208110	Kinh tế vĩ mô 1	3	091	V V							
209101	Trắc địa đại cương	3	101	V V							
209102	Trắc địa địa chính	3	111	V V							

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V
						213602	Anh văn 2	5		091	V V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 8

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
7	08224016	LƯƠNG THỊ THANH DUNG	TC08QL	8.0	0.48	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		092	V V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	V V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	V V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		121	V 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 9

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						213601	Anh văn 1	5		082	3 V
						213602	Anh văn 2	5		091	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
8	08224014	PHẠM CÔNG DŨNG	TC08QL	127.0	5.79	202114	Toán cao cấp C1	3		082	4
							Nhóm bắt buộc tự chọn	1	2		
9	08224012	LÊ QUỐC DƯƠNG	TC08QL	116.0	5.19	209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	4 1
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	2 2
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	3		
10	08224018	NGUYỄN XUÂN ĐIỀN	TC08QL	130.0	5.94	202114	Toán cao cấp C1	3		082	4

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 10

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
11	08224017	TRẦN QUỐC ĐÔ	TC08QL	131.0	5.54	209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	2 2
12	08224022	NGUYỄN VĂN HẬU	TC08QL	122.0	5.54	209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		121	4 0
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	3		
13	08224021	NGUYỄN VĂN HỘI	TC08QL	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		092	V V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	V V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	V V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 11

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V
						213602	Anh văn 2	5		091	V V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
14	08224072	NGUYỄN VĂN HỒNG	TC08QL	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		092	V V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 12

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	V V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	V V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 13

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V
						213602	Anh văn 2	5		091	V V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
15	08224023	LÂM SƠN HƯNG	TC08QL	127.0	5.63	202622	Pháp luật đại cương	2		092	3 3
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	3 2
16	08224031	LÊ TẤN LỘC	TC08QL	109.0	5.16	202115	Toán cao cấp C2	3		091	1 2
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	4
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	3 2
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	4 3
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		121	4 0
						213602	Anh văn 2	5		091	4 4
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	3		
17	08224034	DƯƠNG THANH MÃN	TC08QL	84.0	3.98	208110	Kinh tế vi mô 1	3		091	3 3
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	4 1
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 14

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	4
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	4 V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	2 2
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	3 V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	7	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
18	08224037	DƯƠNG BẢO NGỌC	TC08QL	34.0	1.99	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	2 2
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	3 3
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	V 2
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	4 V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	4 V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		121	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 15

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK		
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V		
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	3	V	
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V	
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V	
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V	
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V		
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V		
						213601	Anh văn 1	5		082	4	2	
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V	V	
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	14		2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10		3			
19	08224038	NGUYỄN QUANG	NHÂN	TC08QL	128.0	5.84	202115	Toán cao cấp C2	3		091	4	1
20	08224039	PHẠM TRUNG	NHÂN	TC08QL	110.0	5.59	202114	Toán cao cấp C1	3		082	4	4
							202115	Toán cao cấp C2	3		091	4	V
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	2	3
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	3	V
							213601	Anh văn 1	5		082	4	4
								Nhóm bắt buộc tự chọn	4		2		
21	08224043	NGUYỄN THÀNH	PHÚ	TC08QL	47.0	2.83	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	2	2
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		092	4	2
							202114	Toán cao cấp C1	3		082	2	2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 16

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	3 V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	3 V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	4 V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						213602	Anh văn 2	5		091	3 4
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	14	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
22	08224042	HOÀNG ĐỖ THẾ PHƯƠNG	TC08QL	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 17

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		092	V V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	V V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	V V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 18

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V
						213602	Anh văn 2	5		091	V V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
23	08224070	TRẦN VĂN TẠO	TC08QL	128.0	5.89		Nhóm bắt buộc tự chọn	5	3		
24	08224079	NGUYỄN THỊ THẨM	TC08QL	51.0	2.89	208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	4 3
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V 1
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	1 V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 19

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	4 V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	3 V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	4 V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	2 V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						213602	Anh văn 2	5		091	4 3
							Nhóm bắt buộc tự chọn	14	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
25	08224052	TRẦN THỊ HỒNG THẨM	TC08QL	15.0	0.67	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	2 V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		092	V V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	1 2
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	3 V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	V V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	3 V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 20

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 21

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
26	08224049	PHAN ĐÌNH THÂN	TC08QL	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		092	V V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	V V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	V V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 22

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V
						213602	Anh văn 2	5		091	V V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
27	08224056	HOÀNG VĂN THỊNH	TC08QL	121.0	5.43	202622	Pháp luật đại cương	2		092	4
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	4 3
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	3		
28	08224059	TRẦN NGUYỄN TRUNG	TC08QL	49.0	3.09	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	2 0
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	4 3
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	1 1
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	3 3
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	4 1
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 23

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V	
						209110	Bản đồ học	3		101	4 1	
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	3 V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V	
						209202	Kinh tế đất đai	2		101		
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101		
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	4 2	
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		121	V V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V	
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	4 V	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	3 3	
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	7	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
29	08224076	NGÔ THANH	TRƯỜNG	TC08QL	10.0	0.27	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V V
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V V
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		092	V V
							202114	Toán cao cấp C1	3		082	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 24

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		092	V V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		091	V V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 25

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
30	08224075	LƯU QUỐC VIỆT	TC08QL	54.0	2.62	209101	Trắc địa đại cương	3		101	V V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	4 V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		121	V V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	
						209210	Định giá đất đai	2		121	V V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	V V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		121	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		121	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	3 V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 26

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		122	V V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		122	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		112	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	12	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
31	08224069	NGUYỄN VĂN XINH	TC08QL	120.0	5.45	209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	2 V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		121	4 0
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		122	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 6 TC (Min)

0101.	202609	Logic học	2
	202621	Xã hội học đại cương	2
	202625	Địa lý tự nhiên	2
	208102	Địa lý kinh tế	2
	208211	Kinh tế lượng căn bản	3
	208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3
	212110	Khoa học môi trường	2

Nhóm TC 2: 18 TC (Min)

0201.	204306	Nông học đại cương	2
	209103	Trắc địa công trình	3
	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3
	209108	Viễn thám ứng dụng	2

	209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3
	209112	Bản đồ địa hình	2
	209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2
	209203	Thị trường bất động sản	2
	209215	Luật xây dựng và luật nhà ở	2
	209216	Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
	209303	Phân hạng đất	2
	209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2
	209310	Quản lý nguồn nước	2
	209311	Lập luận chứng KT-KT	2
	209312	QH xây dựng nông thôn mới	2
	209313	Mô hình Toán kinh tế trong QH	2
	209314	Hệ thống nông nghiệp	2
	212507	Đánh giá tác động môi trường	2
Nhóm TC	3:	10 TC (Min)	
0301.	209123	Trắc địa - Bản đồ	2
	209315	Quy hoạch	3
	209911	Khóa luận tốt nghiệp	10
	209914	Tiểu luận tốt nghiệp	5

In Ngày 03/10/14

TP.HCM, Ngày 03 tháng 10 năm 2014
Người lập biểu



Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH) (TC08QL)
(Hệ vừa làm vừa học)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

131
5.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	08224204	TRẦN THỊ HUYỀN CHÂU	TC08QLBT	13.0	0.41	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		082	
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		112	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
2	08224210	NGUYỄN THẾ CƯỜNG	TC08QLBT	64.0	2.75	209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	3 V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V V	
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V V	
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V	
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V	
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V	
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	12		2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10		3		
3	08224213	PHAN TẤN ĐẠT	TC08QLBT	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		082		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V V	
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V V	
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V	
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V	
						202622	Pháp luật đại cương	2		082	V V	
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V V	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		112	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V
						213602	Anh văn 2	5		091	V V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
4	08224216	NGUYỄN VĂN ĐẤU	TC08QLBT	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		082	
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V
						202622	Pháp luật đại cương	2		082	V V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209110	Bản đồ học	3		101	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		112	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V
						213602	Anh văn 2	5		091	V V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
5	08224221	NGUYỄN THỊ HIẾU	TC08QLBT	56.0	2.49	209101	Trắc địa đại cương	3		101	V
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V V
						209401	Luật đất đai	2		102	V V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	14	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
6	08224233	VÕ THANH MINH	TC08QLBT	2.0	0.12	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		082	
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V V